

109/2022 VIET NAM - NORTH EAST COAST - HAI PHONG - Depths.

Source: Viet Nam Maritime Safety - North, Notice No. 269/2022/TBHH-TCTBDATHHMB

Chart - VN50007 [*previous update 83/2022*]

Insert	depth, 11 ₈	20°44.33'N 106°57.42'E
	depth, 12 ₁	20°45.48'N 106°56.43'E
	depth, 10 ₆	20°48.14'N 106°54.84'E
Replace	depth, 12 ₅ , with depth, 12 ₃	20°43.04'N 106°58.36'E
	depth, 12 ₁ , with depth, 11 ₈	20°43.15'N 106°58.25'E
	depth, 12 ₅ , with depth, 12 ₃	20°43.24'N 106°58.21'E
	depth, 12 ₅ , with depth, 12 ₃	20°44.66'N 106°57.14'E
	depth, 12 ₂ , with depth, 11 ₈	20°44.71'N 106°57.13'E
	depth, 11 ₄ , with depth, 10 ₇	20°47.78'N 106°54.62'E
	depth, 13 ₆ , with depth, 12 ₆	20°47.90'N 106°54.86'E
	depth, 11 ₂ , with depth, 10 ₇	20°48.19'N 106°54.80'E
	depth, 11 ₅ , with depth, 11	20°48.27'N 106°54.71'E
	depth, 12 ₁ , with depth, 11 ₇	20°48.24'N 106°54.61'E
	depth, 11 ₁ , with depth, 10 ₂	20°48.18'N 106°54.41'E

Chart - VN50008 [*previous update 103/2022*]

Insert	depth, 10 ₆	20°48.14'N 106°54.84'E
	depth, 7	20°48.94'N 106°53.92'E
Replace	depth, 11 ₄ , with depth, 10 ₇	20°47.78'N 106°54.62'E
	depth, 13 ₆ , with depth, 12 ₆	20°47.90'N 106°54.86'E
	depth, 11 ₂ , with depth, 10 ₇	20°48.19'N 106°54.80'E
	depth, 11 ₅ , with depth, 11	20°48.27'N 106°54.71'E
	depth, 12 ₁ , with depth, 11 ₇	20°48.24'N 106°54.61'E
	depth, 11 ₁ , with depth, 10 ₂	20°48.18'N 106°54.41'E

(All positions are referred to WGS84 Datum)

109/2022 VIỆT NAM - BỜ BIỂN ĐÔNG BẮC BỘ - HẢI PHÒNG - Độ sâu.

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Thông báo số 269/2022/TBHH-TCTBDATHHMB

Hải đồ - VN50007 [*cập nhật trước 83/2022*]

Chèn	độ sâu, 11 ₈	20°44.33'N 106°57.42'E
	độ sâu, 12 ₁	20°45.48'N 106°56.43'E
	độ sâu, 10 ₆	20°48.14'N 106°54.84'E
Thay	độ sâu, 12 ₅ , bằng độ sâu, 12 ₃	20°43.04'N 106°58.36'E
	độ sâu, 12 ₁ , bằng độ sâu, 11 ₈	20°43.15'N 106°58.25'E
	độ sâu, 12 ₅ , bằng độ sâu, 12 ₃	20°43.24'N 106°58.21'E
	độ sâu, 12 ₅ , bằng độ sâu, 12 ₃	20°44.66'N 106°57.14'E

độ sâu, 12 ₂ , bằng độ sâu, 11 ₈	20°44.71'N 106°57.13'E
độ sâu, 11 ₄ , bằng độ sâu, 10 ₇	20°47.78'N 106°54.62'E
độ sâu, 13 ₆ , bằng độ sâu, 12 ₆	20°47.90'N 106°54.86'E
độ sâu, 11 ₂ , bằng độ sâu, 10 ₇	20°48.19'N 106°54.80'E
độ sâu, 11 ₅ , bằng độ sâu, 11	20°48.27'N 106°54.71'E
độ sâu, 12 , bằng độ sâu, 11 ₇	20°48.24'N 106°54.61'E
độ sâu, 11 , bằng độ sâu, 10 ₂	20°48.18'N 106°54.41'E

Hải đồ - VN50008 [*cập nhật trước 103/2022*]

Chèn	độ sâu, 10 ₆	20°48.14'N 106°54.84'E
	độ sâu, 7	20°48.94'N 106°53.92'E
Replace	độ sâu, 11 ₄ , bằng độ sâu, 10 ₇	20°47.78'N 106°54.62'E
	độ sâu, 13 ₆ , bằng độ sâu, 12 ₆	20°47.90'N 106°54.86'E
	độ sâu, 11 ₂ , bằng độ sâu, 10 ₇	20°48.19'N 106°54.80'E
	độ sâu, 11 ₅ , bằng độ sâu, 11	20°48.27'N 106°54.71'E
	độ sâu, 12 , bằng độ sâu, 11 ₇	20°48.24'N 106°54.61'E
	độ sâu, 11 , bằng độ sâu, 10 ₂	20°48.18'N 106°54.41'E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo hệ tọa độ WGS84)